***- Tuần*** *………*

*-* ***Ngày soạn****: …………………*

***- PPCT****: Tiết ……………………*

**BÀI 3: SỰ PHÂN HOÁ ĐA DẠNG CỦA THIÊN NHIÊN**

# I. MỤC TIÊU

## 1. Về kiến thức

- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

- Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

- Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.

## 2. Về năng lực

*- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:* Sử dụng được bản đồ, Atlat để xác định được vị trí của các lãnh thổ tự nhiên (Bắc - Nam, Đông – Tây, độ cao, các miền).

*- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí:*

+ Giải thích được đặc điểm, biểu hiện của các lãnh thổ tự nhiên (Bắc - Nam, Đông – Tây, độ cao, các miền).

+ Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của những đặc điểm lãnh thổ tự nhiên (Bắc-Nam, Đông – Tây, độ cao, các miền).

*- Sử dụng các công cụ địa lí học:*

+ Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề phân hóa thiên nhiên; sử dụng được tranh, ảnh địa lí để miêu tả những hiện tượng, quá trình phân hóa tự nhiên.

+ Thực hiện được một số tính toán đơn giản; nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê (biên độ nhiệt, nhiệt độ, lượng mưa...).

+ Sử dụng được atlat địa lí Việt Nam, bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.

*- Khai thác Internet phục vụ môn học:* Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn.

*- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế:*

+ Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về sự phân hóa nhiên (Bắc -Nam, Đông – Tây, độ cao, các miền).

+ Phân biệt, nhận diện được các lãnh thổ tự nhiên (Bắc - Nam, Đông – Tây, độ cao, các miền).

+ Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.

**3. Về phẩm chất**

**- Nhân ái:** Củng cố thêm lòng yêu quê hương, đất nước, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**- Chăm chỉ:** Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

**- Trung thực:** Trung thực trong học tập.

**- Trách nhiệm:** Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

## 1. Giáo viên

- Bản đồ khí hậu Việt Nam

- Atlat Địa lí Việt Nam, phiếu học tập

- Hình ảnh liên quan đến tự nhiên Việt Nam

## 2. Học sinh

**-** Atlat Địa lí Việt Nam...

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu

- Sách giáo khoa, vở ghi chép…

- Phiếu học tập và giấy A2 (hoặc bảng nhóm)

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

# Hoạt động 1: Khởi động (3 - 5 phút)

## 1. Mục tiêu

- Tạo hứng thú cho HS trước khi bắt đầu bài học mới.

## 2. Nội dung: Xem clip và trả lời câu hỏi

## **3**. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

## 4. Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**-** GV cho HS nghe clip bài hát “Gửi nắng cho em”

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=Bd6lR5VpoVc>

**- YÊU CẦU:** Xem clip, làm việc cặp đôi và trả lời các câu hỏi

* Bài hát nói về mùa nào trong năm?
* Nhân vật “anh” trong bài hát đang ở miền nào của Đất nước Việt Nam?
* Cảnh quan thiên nhiên nơi nhân vật “anh” đang ở có những đặc điểm gì?
* Nhân vật “anh” trong bài hát muốn gửi nắng ra đâu? Tại sao?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe bài hát, làm việc cặp đôi, thảo luận và thống nhất đáp án. GV hổ trợ học sinh.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV có thể thu 4 sản phẩm của 4 cặp đôi bất kì và chỉnh sửa, chấm điểm cho HS.

**\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức, dẫn dắt HS vào bài mới.

# Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

# *Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về Thiên nhiên phân hoá đa dạng*

**1. Mục tiêu**

- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao.

- Phân tích được biểu đồ, hình ảnh và Atlat địa lí Việt Nam để rút ra nội dung bài học.

**2. Nội dung**

* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sự phân hoá thiên nhiên theo chiều Bắc – Nam.
* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu sự phân hoá thiên nhiên theo chiều Đông – Tây.
* Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu sự phân hoá thiên nhiên theo độ cao.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, phiếu học tập của học sinh.

**4. Tiến trình hoạt động:**

* **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sự phân hoá thiên nhiên theo chiều Bắc – Nam.**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV chia lớp thành 4 nhóm hoặc 6 nhóm.
* **YÊU CẦU**: Nghiên cứu nội dung phần I.1 tr17 và hình 3.1, hãy chứng minh sự phân hoá của thiên nhiên theo chiều Bắc – Nam.

- Nhóm 1, 3, 5: Tìm hiểu phần lãnh thổ phía Bắc.

- Nhóm 2, 4, 6: Tìm hiểu phần lãnh thổ phía Nam.

* Hs thảo luận cặp đôi. Thời gian: 4 phút

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần tự nhiên** | **Phần lãnh thổ phía Bắc****(Toàn bộ lãnh thổ phía Bắc đến dãy Bạch Mã)** | **Phần lãnh thổ phía Nam****(Từ dãy núi Bạch Mã trở vào Nam)** |
| **a. Khí hậu** |  |  |
| **b. Cảnh quan thiên nhiên** |  |  |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS tiếp nhận nhiệm vụ nghiên cứu và thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ.

- GV quan sát, hổ trợ HS

**\* Báo cáo, thảo luận:** HS bốc thăm báo cáo sản phẩm.

**\* Kết luận, nhận định:** GV cho HS nhận xét và bổ sung, GV chuẩn kiến thức.

**\* Mở rộng kiến thức cho HS:** Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho thiên nhiên phân hóa theo chiều Bắc – Nam?

***- Kĩ thuật:*** Think – Pair – Share.

***- Trả lời:*** + Lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc – nam.

 + Hoạt động của gió mùa dẫn đến sự phân hoá khí hậu (sự khác nhau về nền nhiệt, biên độ nhiệt, ảnh hưởng của gió mùa…)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THIÊN NHIÊN PHÂN HOÁ ĐA DẠNG****1. Phân hoá Bắc – Nam**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần tự nhiên** | **Phần lãnh thổ phía Bắc****(Toàn bộ lãnh thổ phía Bắc đến dãy Bạch Mã)** | **Phần lãnh thổ phía Nam****(Từ dãy núi Bạch Mã trở vào Nam)** |
| **a. Khí hậu** | - Khí hậu đặc trưng là nhiệt đới ẩm gió mùa có 1 mùa đông lạnh.- Nhiệt độ TB năm cao trên 200C.- Có 2 – 3 tháng nhiệt độ dưới 180C.- Biên độ nhiệt trung bình năm lớn. | - Khí hậu đặc trưng là cận xích đạo gió mùa.- Nền nhiệt cao, nhiệt độ TB năm cao trên 250C.- Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.- Có 2 mùa: mùa khô – mùa mưa. |
| **b. Cảnh quan thiên nhiên** | - HST tiêu biểu là rừng nhiệt đới gió mùa. - Các HST khác như nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh, rừng ngập mặn, rừng cận nhiệt đới lá rộng thường xanh, rừng lá kim núi cao...- Thành phần loài: nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có loài cận nhiệt và ôn đới. | - HST tiêu biểu là rừng cận xích đạo gió mùa.- Thành phần loài thuộc vùng Xích đạo và nhiệt đới.- Trong rừng xuất hiện nhiều loài cây chịu hạn, rụng lá về mùa khô- Một số nơi hình thành rừng thưa nhiệt đới khô- Thực vật: họ dầu, săng lẻ, tếch...- Động vật: voi, hổ, báo, trăn, rắn, cá sấu... Vùng đầm lầy có trăn, rắn, cá sấu...- Vùng ven biển, vùng cửa sông ĐBSCL phát triển rừng ngập mặn, rừng tràm. |

 |

**\* Mở rộng kiến thức:** Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá theo chiều Bắc – Nam?

- Đặc điểm lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ tuyến.

- Ảnh hưởng của gió mùa

* **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu sự phân hoá thiên nhiên theo chiều Đông – Tây.**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

* Hoạt động cặp đôi, GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK mục I.2 tr19.
* Nhiệm vụ: Đọc SGK và ghi nhớ trong thời gian 3 phút, sau đó gấp hết sách vở lại và ghép các thẻ kiến thức với nhau sao cho phù hợp.

THẺ KIẾN THỨC

a. Đông Trường Sơn mưa thu đông, Tây Nguyên là mùa khô

1. Vùng biển và thềm lục địa

b. Thiên nhiên thay đổi tuỳ nơi, phản ánh mối quan hệ giữa vùng đồi núi với vùng biển và thềm lục địa

c. ĐB ven biển trung bộ hẹp ngang bị chia cắt, đường bờ biển khúc khuỷ, địa hình cồn cát, đầm phá khá phổ biến, đất kém màu mỡ

2. Vùng đồng bằng

d. Rộng lớn, gấp 3 diện tích đất liền. Thiên nhiên đa dạng, giàu có

e. Lượng ẩm dồi dào, thường xuyên có sự hoạt động của các hoàn lưu gió mùa và Tín phong

f. Dãy Hoàng Liên Sơn tạo nên sự khác biệt giữa vùng núi Tây Bắc với Đông Bắc

g. Mở rộng ở vịnh Bắc Bộ, vùng biển Nam Bộ và vịnh Thái Lan, hẹp nhất ở vùng biển Nam Bộ

3. Vùng đồi núi

h. Dãy Trường Sơn tạo nên sự khác biệt giữa đông Trường Sơn và tây Trường Sơn

j. ĐB sông Hồng và ĐB sông Cửu Long được bồi tụ, mở rộng với các bãi triều thấp, phẳng, thềm lục địa mở rộng, địa hình thấp khá bằng phẳng.

k. Đông Bắc: mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa, vùng núi Tây Bắc có cảnh quan nhiệt đới ẩm gió mùa.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ. GV quan sát và hổ trợ học sinh.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu các cặp đôi bóc thăm báo cáo sản phẩm, các cặp khác nhận xét bổ sung, hoàn thiện sản phẩm**.**

**\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THIÊN NHIÊN PHÂN HOÁ ĐA DẠNG****2. Phân hoá theo Đông – Tây**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng biển và thềm lục địa** | **Vùng đồng bằng**  | **Vùng đồi núi** |
| - Rộng lớn, gấp 3 diện tích đất liền. Thiên nhiên đa dạng, giàu có.- Lượng ẩm dồi dào, thường xuyên có sự hoạt động của các hoàn lưu gió mùa và Tín phong.- Mở rộng ở vịnh Bắc Bộ, vùng biển Nam Bộ và vịnh Thái Lan, hẹp nhất ở vùng biển Nam Bộ | - Thiên nhiên thay đổi tuỳ nơi, phản ánh mối quan hệ giữa vùng đồi núi với vùng biển và thềm lục địa.- ĐB sông Hồng và ĐB sông Cửu Long được bồi tụ, mở rộng với các bãi triều thấp, phẳng, thềm lục địa mở rộng, địa hình thấp khá bằng phẳng.- ĐB ven biển trung bộ hẹp ngang bị chia cắt, đường bờ biển khúc khuỷ, địa hình cồn cát, đầm phá khá phổ biến, đất kém màu mỡ | - Là kết quả tác động của gió mùa và hướng của các dãy núi.- Dãy Hoàng Liên Sơn tạo nên sự khác biệt giữa vùng núi Tây Bắc với Đông Bắc.+ Đông Bắc: mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa.+ Vùng núi Tây Bắc có cảnh quan nhiệt đới ẩm gió mùa.- Dãy Trường Sơn tạo nên sự khác biệt giữa đông Trường Sơn và tây Trường Sơn.+ Đông Trường Sơn mưa thu đông, Tây Nguyên là mùa khô.+ Khi Tây Nguyên là mùa mưa thì đông Trường Sơn là khô nóng |

 |

* Mở rộng kiến thức cho học sinh:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS nghe bài hát “Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây”.

- Hoạt động cặp đôi, ghi vào giấy note:

- Yêu cầu: Nghe bài hát và trả lời câu hỏi:

* Bài hát nói về sự phân hoá thiên nhiên ở khu vực địa hình nào?
* Câu nào trong bài hát nói về sự phân hoá thiên nhiên theo chiều Đông – Tây?
* Nguyên nhân nào dẫn đến sự phân hoá thiên nhiên theo chiều Đông – Tây?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe bài hát và hoàn thành nhiệm vụ. GV theo dõi và hổ trợ học sinh.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 3 đến 4 cặp đôi cùng đưa sản phẩm, từng cặp đôi báo cáo sản phẩm, các cặp đôi khác bổ sung ý kiến.

**\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

* **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu sự phân hoá theo độ cao.**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Yêu cầu: GV yêu cầu HS nghiên cứu nội dung bảng 3 tr19 SGK để chứng minh thiên nhiên nước ta có sự phân hoá theo độ cao (độ cao, khí hậu, đất, sinh vật).

- Sản phẩm: Sơ đồ tư duy, infor, tranh ảnh, mô hình…

- Hình thức: Nhóm.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS nghiên cứu SGK, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm mình. HS làm việc nhóm ở nhà.

- GV hổ trợ học sinh qua các ứng dụng liên lạc zalo, mess...

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu các nhóm bốc thăm báo cáo sản phẩm, các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

- Các nhóm lần lượt trình bày sản phẩm của nhóm mình, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

- Các nhóm khác chấm chéo sản phẩm theo các tiêu chí GV đã cho sẵn.

**\* Kết luận, nhận định:** GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THIÊN NHIÊN PHÂN HOÁ ĐA DẠNG****3. Phân hoá theo độ cao**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đai cao** | **Nhiệt đới gió mùa** | **Cận nhiệt đới gió mùa trên núi** | **Ôn đới gió mùa trên núi** |
| 1. Độ cao | - Ở miền Bắc: dưới 600m – 700m.- Ở miền Nam: đến 900m – 1.000m. | - Ở miền Bắc: từ 600m – 700m đến 2600m.- Ở miền Nam: từ 900m – 1.000m đến 2600m. | - Từ 2600m trở lên, chủ yếu ở Hoàng Liên Sơn |
| 2. Khí hậu | Khí hậu nhiệt đới biểu hiện rõ rệt:  - Tổng nhiệt độ trung bình năm trên 75000C. - Mùa hạ nóngm nhiệt độ TB trên 250C. - Độ ẩm thay đổi tuỳ nơi | - Khí hậu mát mẻ.- Tổng nhiệt độ dao động từ 45000C – 75000C.- Mùa hè mát mẻ, mưa nhiều, độ ẩm cao. | - Khí hậu ôn đới, tổng nhiệt độ dưới 45000C.- Nhiệt độ quanh năm dưới 150C, mùa đông dưới 50C. |
| 3. Sinh vật | - Rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh hình thành ở các vùng núi thấp, mưa nhiều, ẩm ướt.- HST rừng nhiệt đới gió mùa, rừng ngậm mặn. | - Phổ biến các loài cận nhiệt đới xe kẽ một số loài nhiệt đới.- Trong rừng xuất hiện các loài chim, thú cận nhiệt như gấu, sóc... | - Chủ yếu loài ôn đới: đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam... |
| 4. Đất | - Vùng đồng bằng: Đất phù sa.- Vùng núi: feralit | - 600 – 700m đến 1600 – 1700m: đất feralit mùn- 1600- 1700m đến 2600m: đất xám mùn trên núi | Chủ yếu đất mùn núi cao. |

 |

### \* Khắc sâu kiến thức cho HS:

### - Câu hỏi: Nguyên nhân nào dẫn đến sự phân hoá theo độ cao?

**- Trả lời:** Nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao là do sự phân hoá khí hậu theo quy luật đai cao:

+ Càng lên cao nhiệt độ càng giảm (cứ lên cao 100 m nhiệt độ giảm 0,60C).

+ Càng lên cao độ ẩm và lượng mưa càng tăng, đến một giới hạn nào đó bắt đầu giảm.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về Các miền tự nhiên**

**1. Mục tiêu**

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

- Sử dụng được bản đồ, Atlat để xác định được vị trí của các miền tự nhiên

**2. Nội dung:** Tìm hiểu 3 miền địa lí tự nhiên của nước ta

**3. Sản phẩm:** Sản phẩm hoạt động nhóm của học sinh (minmap, tranh ảnh, infographic…)

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 6 nhóm.

**HÌNH THÀNH VÒNG CHUYÊN GIA**

* **Yêu cầu**: HS nghiên cứu nội dung mục II tr19 SGK, hãy tìm hiểu đặc điểm của các miền tự nhiên (phạm vi lãnh thổ, địa hình, khí hậu, sông ngòi, khoáng sản, thực vật, đất…) bằng (minmap, tranh ảnh, infographic…)

- Nhóm 1, 4: Miền Bắc và Đông bắc Bắc Bộ.

- Nhóm 2, 5: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

- Nhóm 3, 6: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

* **Thời gian:** 15 phút

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu, thảo luận, phân công nhiệm vụ để thực hiện yêu cầu của GV. GV quan sát, hổ trợ HS kịp thời.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

**HÌNH THÀNH VÒNG MẢNH GHÉP**

**- Bước 1:** GV chia 6 nhóm thành 2 cụm. Các nhóm chuyên gia treo sản phẩm của nhóm mình lên tường phòng học.

**- Bước 2:** Các thành viên ở vòng chuyên gia đánh số thứ tự từ 1 đến 6 (hoặc theo màu, sở thích...) sau đó di chuyển về vị trí được quy định.

**- Bước 3:** Thành viên nhóm chuyên gia lần lượt trình bày sản phẩm của nhóm mình (theo từng trạm), mỗi trạm 4 phút. Hết 4 phút/trạm, các chuyên gia lần lượt di chuyển. Các chuyên gia còn lại ghi chép hoàn thành phiếu học tập số 3 và đặt các câu hỏi.

**\* Kết luận, nhận định:** GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **II. CÁC MIỀN TỰ NHIÊN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố TN** | **Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ** | **Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ** | **Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ** |
| 1. Phạm vi lãnh thổ | Ranh giới phía tây nam của miền dọc theo bờ phải sông Hồng và rìa phía tây, tây nam đồng bằng Bắc Bộ | - Từ bờ phải sông Hồng tới dãy núi Bạch Mã. | - Từ dãy núi Bạch Mã trở vào Nam. |
| 2. Địa hình | - Vùng núi:+ Núi thấp chiếm ưu thế. + Hướng núi: vòng cung, cao ở phía bắc, thấp dần phía tây nam.- Vùng đồng bằng: rộng và bằng phẳng.- Địa hình các – xtơ khá phổ biến.- Bờ biển đa dạng: nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh đảo. | - Vùng núi: + Núi cao và núi trung bình chiếm ưu thế.+ Địa hình bị chia cắt mạnh và hiểm trở nhất cả nước.+ Các dãy núi xen kẽ các thung lũng theo hướng TB – ĐN. Có nhiều sơn nguyên, cao nguyên. ĐH lòng chảo- Ven biển: Nhiều cồn cát, đầm phá, bãi tắm đẹp.- ĐB nhỏ và bị chia cắt. | - Vùng núi:+ Trường Sơn Nam là dãy núi lớn, hình cánh cung, có sự bất đối xứng giữa sườn đông và sường tây.+ Cac CN badan rộng lớn, địa hình bằng phẳng.+ ĐB sông Cửu Long rộng lớn, có hệ thống kênh rạch chằng chịt, nhiều vùng trũng ngập nước vào mùa lũ.+ ĐB ven biển NTB nhỏ hẹp, bị chia cắt bở các nhánh núi lấn ra biển.+ Vùng biển với thềm lục địa rộng lớn, giàu tài nguyên. |
| 3. Đất | - Vùng đồi núi thấp: tiêu biểu là đất feralit trên đá mẹ.- Đồng bằng: đất phù sa, đất phèn, đất mặn... | - Vùng đồi núi: Nhóm đất feralit trên đá vôi và feralit trên các loại đá khác.- Đồng bằng: đất phù sa | - Vùng núi và cao nguyên: đất feralit trên đá badan và đất feralit trên các loại đá khác.- ĐB sông Cửu Long: đất phù sa, đất phèn, đất mặn.- ĐB ven biển miền Trung: đất phù sa kém màu mỡ.- Ngoài ra còn có đất xám trên phù sa cổ. |
| 4. Khí hậu | - Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc tạo nên 1 mùa đông lạnh. | - Đặc trưng của khí hậu là sự giảm sút ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.- Nhiệt độ TB năm tăng dần và biên độ nhiệt giảm.- Tây Bắc có mùa đông ấm hơn và ngắn hơn Đông Bắc.- Bắc Trung Bộ có gió Tây khô nóng và mưa đầu mùa hạ. | - Khí hậu mang tính chất cận xích đạo gió mùa.- Nhiệt độ TB năm cao, biên độ nhiệt năm nhỏ.- Có 2 mùa mưa – khô rõ rệt.- Mùa khô kéo dài và gay gắt. |
| 5. Sông ngòi | - Hướng tây bắc – đông nam: sông Hồng, sông Chảy...- Hướng vòng cung: sông Lô, s.Gâm, s. Lục Nam... | - Sông ngòi hướng tây bắc – đông nam. S.Đà. s.Mã, s.Cả...- Sông nhỏ, dốc, bắt nguồn từ vùng núi phía Tây và đổ ra Biển Đông. | - Nam Trung Bộ: sông nhỏ, ngắn bắt nguồn từ vùng núi Trường Sơn na đổ ra biển Đông.- ĐB sông Cửu Long: có 2 sông lớn là S.Tiền và S.Hậu |
| 5. Khoáng sản | - Các khoáng sản chủ yếu: than đá (Quảng Ninh, Thái Nguyên), than nâu (ĐBSH) thiếc (Cao Bằng), chì, kẽm (Bắc Cạn), khí tự nhiên... | - Các khoáng sản chủ yếu: sắt (Hà Tĩnh), đông (Sơn La), crôm (Thanh Hoá), apatit Lào Cai, thiếc (Nghệ An) vật liệu xây dựng... | - Dầu mỏ, khí tự nhiên ở thềm lục địa phía Nam, bô - xít ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. |
| 6. Sinh vật | - SV phong phú và đặc sắc, có 50% thành phần loài bản địa.- Nhiều loài động vật quý hiếm: voọc đầu trắng, voọc quần đùi trắng.- Cảnh sác thiên nhiên thay đổi theo mùa, theo khu vực. | - Có sự hội tự của nhiều luồng sinh vật.- Rừng còn tương đối nhiều ở Nghệ An.- Trường Sơn Bắc: thực vật phương nam chiếm ưu thế. | - Cảnh quan điểm hình là rừng cận xích đạo gió mùa.- Xuất hiện kiểu rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá và rụng lá.- ĐB sông Cửu Long có rừng ngập mặn và rừng tràm. |

 |

### \* Mở rộng kiến thức:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS: Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của các miền tự nhiên.

+ Nhóm 1, 4: Miền Bắc và Đông bắc Bắc Bộ.

+ Nhóm 2, 5: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

+ Nhóm 3, 6: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

- Thời gian: 5 phút

- Kĩ thuật “khăn trải bàn”

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm HS nghiên cứu, trao đổi, thảo luận và thống nhất ý kiến

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV cho 3 nhóm bốc thăm báo cáo về thuận lợi và khó khăn của 3 miền tự nhiên. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chốt kiến thức.

### Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về Ảnh hưởng của sự phân hoá thiên nhiên đến phát triển KT - XH

**1. Mục tiêu**

- Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

**2. Nội dung:** Phân tích ảnnh hưởng của sự phân hoá thiên nhiên đến phát triển KT - XH

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia HS thành 2 nhóm lớn, HS làm việc cá nhân: 1 nhóm tìm hiểu những thuận lợi, 1 nhóm tìm hiểu những khó khăn của sự phân hoá thiên nhiên đến phát triển KT – XH nước ta. Thời gian: 3 phút.

- HS nghiên cứu SGK và kết quả hoạt động nhóm, hãy trình bày những thuận lợi và khó khăn của sự phân hoá thiên nhiên đến sự phát triển KT - XH của nước ta.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu, làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ. GV quan sát và hổ trợ học sinh.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 1 đến 3 HS bất kì báo cáo, các HS khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài

|  |
| --- |
|  **III. ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ PHÂN HOÁ THIÊN NHIÊN ĐẾN PHÁT TRIỂN KT – XH.**1. Thuận lợi.- Sự phân hoá thiên nhiên theo chiều Bắc – Nam ảnh hưởng tới quy hoạch, hướng chuyên môn hoá sản xuất trong NN giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam.- Sự phân hoá đông – tây ảnh hưởng tới hướng phát triển KT – XH.- Sự phân hoá thiên nhiên theo độ cao tạo nên những nét độc đáo trong các ngành sản xuất và đời sống.2. Khó khăn.- Sự phân hoá của thiên nhiên cũng dẫn đến sự phân hoá về tài nguyên, các điều kiện phát triển kinh tế giữa các vùng, miền.- Vùng đồi núi địa hình cao, cắt xẻ gây nhiều khó khăn, trở ngại cho GTVT, giao lưu kinh tế, phân bố dân cư, phát triển y tế, giáo dục. |

# Hoạt động 3: Luyện tập

**1. Mục tiêu**

- Hệ thống và củng cố lại kiến thức bài học

**2. Nội dung:** Trò chơi “Đường lên đỉnh Fan - xi - phăng”

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các đội chơi và phổ biến luật chơi.

- Luật chơi: + Có 8 câu hỏi.

 + Thời gian: 10 giây/1 câu hỏi.

 + Mỗi câu trả lời đúng: 10 điểm.

 + Đội có số điểm cao nhất: Chiến thắng.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Tiến hành trò chơi

**Câu 1:** Đây là đặc điểm tự nhiên vùng lãnh thổ phía Bắc.

**A.** Khí hậu cận xích đạo gió mùa. **B.** Nhiệt độ TN năm cao trên 250C.

**C.** Có 2 mùa: mùa khô – mùa mưa. **D.** Có 2 mùa: mùa đông – mùa hạ.

**Câu 2:** Khí hậu vùng lãnh thổ phía Nam có

**A.** biên độ nhiệt năm nhỏ, dưới 100C. **B.** biên độ nhiệt năm lớn, trên 200C.

**C.** nhiệt độ trung bình năm trên 200C. **D.** tổng số giờ nắng dưới 2.000 giờ.

**Câu 3:** Đai ôn đới gió mùa trên núi có độ cao

**A.** dưới 1000m. **B.** từ 1000m – 2000m.

**C.** dưới 2600m. **D.** trên 2600m.

**Câu 4:** Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Nhiệt độ TB năm dưới 150C. **B.** Lượng mưa và độ ẩm thay đổi.

**C.** Lượng mưa và độ ẩm tăng lên. **D.** Độ ẩm cao, tốc độ gió mạnh.

**Câu 5:** Kiểu thảm thực vật chủ yếu của đai nhiệt đới ẩm gió mùa là

**A.** rừng ôn đới. **B.** rừng xích đạo. **C.** rừng cận nhiệt đới. **D.** rừng nhiệt đới ẩm.

**Câu 6:** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm khí hậu nào sau đây?

**A.** Biên độ nhiệt cao, có 2 mùa khô và mưa.

**B.** Mùa đông lạnh nhất và kéo dài nhất cả nước.

**C.** Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm.

**D.** Khí hậu mang tính chất cận xích đạo gió mùa.

**Câu 7:** Đây là đặc điểm địa hình Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

**A.** Cao nhất cả nước, địa hình lòng chảo.

**B.** Địa hình lòng chảo, chủ yếu núi thấp.

**C.** Chủ yếu núi thấp, hướng tây bắc – đông nam.

**D.** Chủ yếu núi thấp, hướng vòng cung.

**Câu 8:** Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Địa hình cac –xtơ có diện tích lớn và độc đáo.

**B.** Cao ở Tây Bắc, thấp dần về phía đông nam.

**C.** Gồm các sơn nguyên, cao nguyên ba dan.

**D.** Ven biển có địa hình bồi tụ - mài mòn.

# Hoạt động 4: Vận dụng/Mở rộng

**1. Mục tiêu**

Mở rộng kiến thức và liên hệ thực tế.

**2. Nội dung:** Trả lời câu hỏi

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Yêu cầu:GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi “Địa phương em đang sống thuộc miền khí hậu nào? Hãy thu thập thông tin, tìm hiểu ảnh hưởng của sự phân hoá thiên nhiên đến ngành nông nghiệp hoặc du lịch ở địa phương em”.

- Thời gian: Về nhà

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu, làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 1 đến 3 HS bất kì báo cáo, các HS khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:**

**V. PHỤ LỤC**

**Phiếu đánh giá sản phẩm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ** | **Điểm tối đa** | **Điểm đạt được** | **Ghi chú** |
| **1** | **Nội dung ngắn gọn, chính xác, bám sát kiến thức SGK** | **2,5** |  |  |
| **2** | **Lấy được ví dụ minh họa cho các nhân tố** | **2,0** |  |  |
| **3** | **Có các hình vẽ, icon minh họa sống động** | **1,5** |  |  |
| **4** | **Bố cục cân đối hài hòa, chữ to dễ đọc. Thông tin nhóm, lớp đầy đủ** | **1,5** |  |  |
| **5** | **Thuyết trình ngắn gọn, lưu loát, thu hút. người nghe.** | **2,5** |  |  |
| **TỔNG** | **10** |  |  |